TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC Z - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 119/2025/DS-ST
Ngày: 10 – 9 – 2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC Z - CÀ MAU

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Ngọc Hân
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Nhi
Ông Hồ Minh Chí

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Diễm Quỳnh, là Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực Z - Cà Mau, tỉnh Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 325/2025/TLST - DS ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản và Hợp đồng thuê tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2025/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần W**
Địa chỉ: Đường ND, phường TV, tỉnh Nghệ An.
Đại diện hợp pháp của nguyên đơn (theo văn bản uỷ quyền số 105/2024/UQ-SVN ngày 01/01/2024): Anh Hồ Ngọc Q, sinh năm: 1990. (xin vắng mặt).
Địa chỉ liên hệ: Đường LT, phường T, tỉnh Cà Mau.
Bị đơn: Anh **Trần Minh D**, sinh năm: 2000; Căn cước công dân số: 096200000502, cấp ngày 15/4/2021. (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Đường MC, khóm Y, phường A, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/4/2025, đại diện theo pháp luật của nguyên đơn trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Ngày 11/12/2024 anh Trần Minh D ký với Công ty cổ phần W (sau đây gọi tắt là Công ty) Hợp đồng cầm cố tài sản số CMM241201003NA18X và Thoả thuận thuê tài sản. Anh D cầm cố tài sản thuộc quyền sở hữu của anh D là xe mô tô biển kiểm soát 69B1-324.89, nhãn hiệu HONDA, giấy Chứng nhận đăng ký xe mô

tô, xe máy số 046732 cấp ngày 13/8/2018. Số tiền cầm cố là 11.702.127,66 đồng; thời hạn cầm cố là 06 tháng (kể từ ngày 11/12/2024 đến ngày 11/6/2025); lãi suất cầm cố 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn; mục đích cầm cố: Sử dụng cho mục đích tiêu dùng cá nhân. Gốc, lãi, phí trong hạn trả mỗi tháng một lần với số tiền 2.061.018,98 đồng vào ngày 11 dương lịch hàng tháng từ tháng 01/2025. Các nội dung khác thoả thuận theo Hợp đồng và Phụ lục hợp đồng đã ký. Tài sản cầm cố nêu trên của anh D đã được Công ty đăng ký giao dịch bảo đảm trên hệ thống trực tuyến của cục đăng ký quốc gia. Công ty đã giải ngân cho anh D số tiền 11.702.127,66 đồng vào ngày 11/12/2024.

Trong phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng cầm cố nêu trên có thỏa thuận nội dung bên cầm cố đồng ý cho bên nhận cầm cố quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp chấm dứt.

Do nhu cầu đi lại phục vụ cho công việc, cùng ngày 11/12/2024 anh D thoả thuận thuê lại chiếc xe anh D đã cầm cố và đã ký với Công ty Thoả thuận thuê tài sản cùng ngày 11/12/2024, thời gian thuê 06 tháng (từ ngày 11/12/2024 đến ngày 11/6/2024). Giá thuê 631.914,89 đồng/tháng, tiền thuê thanh toán mỗi tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh D không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán đã thỏa thuận. Nay Công ty cổ phần W yêu cầu anh Trần Minh D:

- Thanh toán khoản nợ của hợp đồng cầm cố tài sản nêu trên với số tiền tạm tính đến ngày 19/4/2025 là 19.818.000 đồng (trong đó: Nợ gốc 11.702.127 đồng; lãi trong hạn 643.617 đồng; phí quản lý hồ sơ cố định 292.553 đồng; lãi quá hạn 1.000.000 đồng; tiền thuê xe 3.159.574 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 936.170 đồng; phí tất toán hợp đồng trước thời hạn 819.149 đồng; chi phí tố tụng 1.263.830 đồng).

- Yêu cầu anh D tiếp tục thanh toán khoản lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký và giấy mượn xe kể từ ngày 20/4/2025 đến khi anh D thanh toán xong nợ.

- Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Ngọc Q (đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) trình bày và xác định yêu cầu của nguyên đơn như sau:

Vẫn giữ nguyên trình bày của đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần W về nội dung thoả thuận tại các hợp đồng đã ký giữa Công ty với anh Trần Minh D.

Nay Công ty yêu cầu anh Trần Minh D thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 10/9/2025 là 17.790.000 đồng *(trong đó: Tiền gốc 11.702.000 đồng, tiền lãi với mức lãi suất 1,1%/tháng tính trên số tiền nợ gốc từ ngày 11/01/2025 đến ngày 10/9/2025 là 1.030.000 đồng; tiền thuê xe 5.058.000 đồng).* Công ty xin rút lại các yêu cầu khác.

Đối với anh Trần Minh D: Tòa án đã thông báo cho anh D về việc thụ lý vụ án, thông báo cho anh D đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhiều lần nhưng anh D vẫn không có mặt tại Tòa án theo Thông báo, triệu tập của Tòa án; anh D cũng không gửi cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của anh đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần W.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng: Công ty cổ phần W khởi kiện anh Trần Minh D yêu cầu thanh toán khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản và hợp đồng thuê tài sản anh D đã ký với Công ty cổ phần W. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân. Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh D đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng anh D vẫn vắng mặt không rõ lý do. Đại diện theo uỷ quyền của Công ty cổ phần W yêu cầu được vắng mặt tại phiên toà xét vụ vụ án. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn và đại diện nguyên đơn theo quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo Hợp đồng cầm cố tài sản số CMM241201003NA18X ngày 11/12/2024; Phụ lục hợp đồng và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 11/12/2024 đã ký giữa anh Trần Minh D với chi nhánh Công ty cổ phần W thì tài sản anh Trần Minh D cầm cố cho Công ty cổ phần W là chiếc xe mô tô biển kiểm soát 69B1-324.89 thuộc quyền sở hữu của anh D. Số tiền cầm cố là 11.702.127,66 đồng; thời hạn cầm cố 06 tháng kể từ ngày 11/12/2024 đến ngày 11/6/2025; lãi suất cầm cố 1,1%/tháng trên dư nợ thực tế; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn. Đồng thời anh D đã thuê lại xe trên để sử dụng cùng ngày 11/12/2024 với giá thuê 631.914,89 đồng/tháng. Thỏa thuận nêu trên và các thỏa thuận khác giữa Công ty với anh D là phù hợp với quy định pháp luật và được thiết lập trên tinh thần tự nguyên. Quá trình thực hiện hợp đồng, anh D vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã thoả thuận nên Công ty có quyền khởi kiện, yêu cầu anh D thanh toán nợ. Căn cứ vào các hợp đồng, phụ lục hợp đồng cầm cố và thỏa thuận thuê tài sản đã ký ngày 11/12/2024 giữa Công ty với anh Trần Minh D thì từ ngày 11/12/2024 đến ngày 10/9/2025 là 09 tháng. Hợp đồng cầm cố đã quá hạn nhưng Công ty chỉ yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 1,1%/tháng với số tiền 1.030.000 đồng và tiền thuê xe 5.058.000 đồng là có lợi cho anh D. Số tiền Công ty yêu cầu anh D thanh toán tạm tính đến ngày 10/9/2025 tổng số tiền 17.790.000 đồng *(trong đó: Tiền gốc 11.702.000 đồng, tiền lãi 1.030.000 đồng; tiền thuê xe 5.058.000 đồng)* là có căn cứ. Đến nay, anh D không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Công ty gửi toà án. Xét thấy yêu cầu của Công ty về việc yêu cầu anh Trần Minh D thanh toán nợ với tổng số tiền 17.790.000 đồng là phù hợp với quy định pháp luật nên chấp nhận. Đại diện hợp pháp của Công ty xác định Công ty rút lại các yêu cầu khởi kiện còn lại nên cần đình các yêu cầu khởi kiện còn lại của Công ty.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần W được chấp nhận nên anh Trần Minh D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Công ty cổ phần W không phải chịu án phí, được hoàn lại án phí đã dự nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 299, 309, 310, 311, 314, 357, 472, 473, 474, 481 Bộ luật dân sự;

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1 - Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần W.

Buộc anh Trần Minh D thanh toán cho Công ty cổ phần W khoản nợ phát sinh từ hợp đồng cầm cố tài sản số CMM241201003NA18X ngày 11/12/2024 và Thỏa thuận thuê tài sản ngày 11/12/2024 gồm vốn và lãi tính đến ngày 10/9/2025 với tổng số tiền 17.790.000 đồng *(trong đó: Tiền gốc 11.702.000 đồng, tiền lãi 1.030.000 đồng; tiền thuê xe 5.058.000 đồng).*

Buộc anh Trần Minh D tiếp tục thanh toán cho Công ty cổ phần W khoản lãi phát sinh theo Hợp đồng cầm cố tài sản số CMM241201003NA18X ngày 11/12/2024 anh Trần Minh D đã ký với Công ty cổ phần W từ ngày 11/9/2025 đến khi anh D thanh toán xong nợ cho Công ty cổ phần W.

Công ty cổ phần W có nghĩa vụ trả lại giấy Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 046732 cấp ngày 13/8/2018 cho anh Trần Minh D khi anh D thanh toán xong nợ cho Công ty.

2 - Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty cổ phần W về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Trần Minh D thanh toán khoản phí quản lý hồ sơ cố định 292.553 đồng; lãi quá hạn 1.000.000 đồng; phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán 936.170 đồng; phí tất toán hợp đồng trước hạn 819.149 đồng; chi phí tố tụng 1.263.830 đồng.

- Yêu cầu anh D trả lại chiếc xe anh D đã cầm cố cho Công ty.

- Yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho Công ty.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

- Buộc anh Trần Minh D phải chịu 890.000 đồng. Anh D phải nộp án phí khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Công ty cổ phần W không phải chịu án phí. Công ty cổ phần W được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã dự nộp với số tiền 495.000 đồng *(đã dự nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C ngày 14/5/2025 theo Biên lai thu số 0010844)* khi bản án có hiệu lực pháp luật.

4 - Về quyền kháng cáo: Công ty cổ phần W, anh Trần Minh D có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực Z - Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực Z - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ;
- Lưu: Văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Ngọc Hân